Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 09

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ MINH HÒA

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường tỉnh 313D	Giáp địa giới hành chính xã Yên Lập	Trạm điện số 1	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
2		Trạm điện số 1	Tràn Đồng Guốc	4.800	2.600	1.900	1.900	1.100	800	1.400	800	600
3		Tràn Đồng Guốc	Nhà ông Kiên Chung	5.800	3.200	2.300	2.300	1.300	900	1.700	1.000	700
4		Giáp nhà ông Kiên Chung	Nhà ông Sửu Phê	2.600	1.500	1.100	1.100	600	400	800	400	300
5		Hết nhà ông Sửu Phê	Lối rẽ vào Nhà văn hóa khu Minh Tiến	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
6		Lối rẽ vào Nhà văn hóa khu Minh Tiến	Ngã ba Ngọc Đồng	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
7		Ngã ba Ngọc Đồng	Cầu gốc Sống	4.800	1.100	800	800	400	300	600	300	200
8		Cầu gốc Sống	Đường rẽ cổng chào khu 5	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
9		Đường rẽ cổng chào khu 5	Giáp địa giới hành chính xã Thanh Sơn	1.000	500	400	400	220	200	300	200	100
10	Đường tỉnh 313G	Lối rẽ Tân Thành 3	Giáp địa giới hành chính xã Tân Sơn	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
11	Đường Quốc lộ 70B	Giáp địa giới hành chính xã Thượng Long	Cầu gốc Gạo	2.400	1.300	1.000	1.000	500	400	700	400	300
12		Cầu gốc Gạo	Cổng khu Thống Nhất 1	6.000	3.300	2.400	2.400	1.300	1.000	1.800	1.000	700
13		Cổng khu Thống Nhất 1	Giáp địa giới hành chính xã Võ Miếu	3.500	1.300	1.000	1.000	500	400	700	400	300
14	Đường trục chính	Xưởng chè	Hết trường THPT Minh Hòa	2.000	1.200	900	900	500	400	700	400	300
15		Trường THPT Minh Hòa	Giáp chiến khu Lòng Chào	1.000	700	500	500	300	200	400	300	200
16		Ngã 3 Cống Đập sạn	Khu Thống Nhất 3	1.000	700	500	500	300	200	400	300	200
17		Giáp Khu Thống Nhất 3	Quốc lộ 70B	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
18		Ngã 3 Nhà văn hóa khu 6	Quốc lộ 70B	500	280	200	200	150	130	150	130	110

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
*	**Các khu đấu giá, khu tái định cư**											
19	Vị trí đấu giá đường tỉnh lộ 313D khu Minh Đức (vị trí 1)			4.000			1.600			1.200		
20	Vị trí đấu giá đường tỉnh lộ 313D khu Minh Đức (vị trí 2)			4.000			1.600			1.200		
21	Vị trí đấu giá đường tỉnh lộ 313D khu Minh Tiến			3.000			1.200			900		
22	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			500			200			150		